MIRAE ASSET Securities

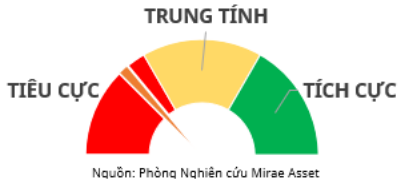
03 Tháng 11, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,699.62	-0.6	-2.2	5.1
HNX	251.42	0.3	-5.7	-3.0
UPCOM	122.05	0.1	-3.1	6.5
MSCI EM	1,575.35	0.6	-7.8	11.7
NIKKEI	63,081.86	-0.3	-7.7	22.5
HANG SENG	23,525.97	0.6	-1.9	-10.1
KOSPI	5,648.79	-3.6	-19.3	33.8
FTSE	10,712.85	-0.5	2.4	10.4
S&P 500	7,541.40	-0.5	-2.3	10.1
NASDAQ	25,164.36	-1.1	-7.5	5.6

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	10.8	1.9	17.1
Indonesia	5.0	0.0	0.1
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.1	1.5	10.4
Thailand	14.3	1.4	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-2	112
TPCP 10 năm	4.5	0	0	65

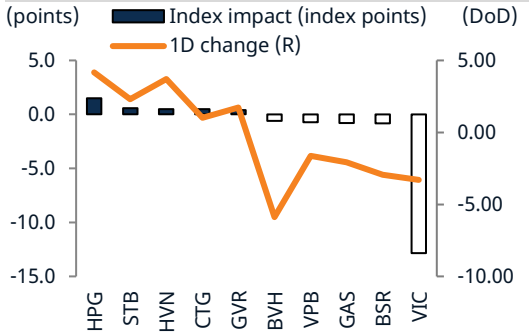
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,760	-0.1	-0.9	-2.1
US$/KRW	1,344.2	0.0	0.2	-6.0
US$/JPY	158.09	0.1	0.1	2.5
US$/EUR	0.8938	0.0	0.3	3.0
US$/GBP	0.7454	-0.1	-1.4	-2.0
US$/SGD	1.2810	0.2	0.1	-1.8

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	502	488	570
HNX	20	27	31
UPCOM	14	16	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

VN-Index giảm điểm trong phân hóa

VN-Index tiếp tục ghi nhận giảm thêm hơn 11 điểm với thanh khoản thấp, đóng góp giảm điểm chính đến từ VIC khi cổ phiếu này đánh mất hơn 3%. Tuy nhiên, nhìn chung số mã tăng và giảm tương đối đồng đều cho thấy thị trường bắt đầu có sự phân hóa, kể cả trong nội bộ từng nhóm ngành cũng đã bắt đầu có sự tương phản với một số cổ phiếu chững lại đà giảm trong khi số khác vẫn tiếp tục suy yếu. Nổi bật nhất phiên kể đến nhóm Thép (HPG, HSG, NKG) và Đầu tư công (DPG, HT1, FCN, CTD) tăng mạnh, trong khi Dầu khí (BSR, GAS, PVD) tiếp tục dò đáy.

VN-Index kết phiên tại 1.699,62 điểm, giảm 11,1 điểm (-0,65%). Thanh khoản giảm so với phiên trước với khối lượng khớp lệnh đạt 515,5 triệu cổ phiếu (-29% DoD), tương ứng 10.474 tỷ đồng. Độ rộng thị trường cân bằng, ghi nhận 154 mã tăng, 141 mã giảm và 72 mã đứng giá.

Gây áp lực lên chỉ số chủ yếu đến từ VIC với tác động giảm hơn 12 điểm, cùng với cổ phiếu nhóm Dầu khí (BSR, GAS) và Ngân hàng (VPB, BID, VCB). Ngược lại, tác động tích cực đến từ nhóm Nguyên vật liệu (HPG, GVR, HSG) và các cổ phiếu khác thuộc nhóm Ngân hàng (STB, CTG, MSB, MBB).

Khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị khoảng 500 tỷ đồng trên sàn HOSE, chủ yếu ghi nhận tại MBB (-255 tỷ đồng), VCB (-219 tỷ đồng), VIC (-114 tỷ đồng). Chiều ngược lại mua ròng các mã HPG (+227 tỷ đồng), SHB (+125 tỷ đồng), VHM (+119 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm, điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức -2 điểm xuống -4 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index đạt 10.8x.

Nguyễn Thị Kim Ngân, Analyst, 84-8-39102222, ngan.ntk@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (03/11/2026)	1.699	Kháng cự 1	1.750
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.775
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1	1.675
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.650

VN-Index nới rộng biên độ giảm, chỉ số giảm về gần vùng đáy tháng 10 quanh mốc 1.690 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (03/11/2026)	1.819	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.815	Hỗ trợ 1	**1.800**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+3,8**	Hỗ trợ 2	**1.700**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	**TIÊU CỰC**

VN30F1M giao dịch trong khoảng biên độ +/- 10 điểm so với tham chiếu và kết phiên tăng nhẹ, điểm số đánh giá kỹ thuật -4 điểm (TIÊU CỰC).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VJC	132.2	950,680	4	KHẢ QUAN	101,674	45.6	3.9	126
VPI	59.2	1,973,765	3	TRUNG TÍNH	20,842	68.2	3.9	117
HHP	18	1,440,745	3	TRUNG TÍNH	1,659	32.4	1.6	26
VIC	234	2,697,760	2	TRUNG TÍNH	1,816,352	41.8	9.4	631
VHM	61.9	8,296,355	2	TRUNG TÍNH	508,498	5.3	1.8	514
STB	66.6	3,269,090	2	TRUNG TÍNH	125,555	27.5	2.0	218
HCM	23.6	2,799,300	2	TRUNG TÍNH	31,859	24.7	2.0	66
VC3	23.4	2,031,775	2	TRUNG TÍNH	3,482	48.8	2.2	48
KOS	4.06	6,433,160	2	TRUNG TÍNH	879	52.6	0.4	26
NVB	14.7	1,578,510	2	TRUNG TÍNH	43,041	33.0	2.0	23
SHB	10.45	41,859,224	0	TRUNG TÍNH	55,842	3.7	0.6	437
HPG	21.25	19,005,150	0	TRUNG TÍNH	179,414	6.7	1.2	404
VCI	18.95	7,586,455	0	TRUNG TÍNH	21,835	14.7	1.3	144
HDC	11.8	2,057,235	0	TRUNG TÍNH	2,711	4.1	0.9	24
PNJ	14.75	13,062,725	-1	TRUNG TÍNH	7,548	4.6	0.6	193
FPT	50.4	7,838,175	-2	TRUNG TÍNH	95,041	9.2	2.2	395
ACB	20.25	9,554,955	-2	TRUNG TÍNH	117,540	7.3	1.2	193
TPB	12.5	14,697,970	-2	TRUNG TÍNH	39,877	4.8	0.8	184
PVT	20.8	7,558,165	-2	TRUNG TÍNH	10,752	7.0	1.1	157
SHS	12.3	10,551,030	-2	TRUNG TÍNH	11,063	15.1	0.9	130
MSR	60	2,077,680	-2	TRUNG TÍNH	66,298	6,000.0	5.4	125
MCH	133.5	597,905	-2	TRUNG TÍNH	174,539	23.9	9.6	80
TCH	11.95	6,016,630	-2	TRUNG TÍNH	11,990	15.1	1.0	72
LPB	34.7	2,029,290	-2	TRUNG TÍNH	103,659	8.6	2.2	70
GVR	29.6	2,051,915	-2	TRUNG TÍNH	118,400	13.9	1.9	61
MBS	15	2,644,850	-2	TRUNG TÍNH	15,014	11.2	1.3	40
CTS	21.55	1,610,835	-2	TRUNG TÍNH	5,867	15.6	2.0	35
PET	50.5	628,415	-2	TRUNG TÍNH	7,815	29.6	3.1	32
PVP	17.8	1,582,845	-2	TRUNG TÍNH	1,846	5.7	0.9	28
VEA	38.3	702,560	-2	TRUNG TÍNH	50,893	6.5	2.0	27
DCL	44.4	594,605	-2	TRUNG TÍNH	3,243	#N/A N/A	2.2	26
SBT	20.8	1,240,455	-2	TRUNG TÍNH	19,440	27.8	1.6	26
HUT	12.4	2,036,810	-2	TRUNG TÍNH	13,247	22.9	1.2	25
DPG	30.9	603,895	-2	TRUNG TÍNH	3,664	8.5	1.2	19
DPR	37	416,040	-2	TRUNG TÍNH	3,215	7.7	1.1	15
FTS	18.6	810,075	-2	TRUNG TÍNH	7,089	17.6	1.6	15

EVF	11.5	1,306,860	-2	TRUNG TÍNH	8,747	9.0	0.8	15
TLG	53.9	278,020	-2	TRUNG TÍNH	5,203	12.8	2.0	15
NVL	10.25	21,374,180	-3	TRUNG TÍNH	32,828	3.8	0.5	219
VND	13.05	9,206,465	-3	TRUNG TÍNH	19,866	9.5	0.9	120
GAS	75.4	961,380	-3	TRUNG TÍNH	181,936	12.4	2.6	72
HAH	46.2	821,390	-3	TRUNG TÍNH	8,701	6.7	1.6	38
PHP	42	397,730	-3	TRUNG TÍNH	13,732	16.7	2.3	17
TCB	21.4	18,793,950	-4	TIÊU CỰC	227,468	7.9	1.2	402
MSN	69.4	5,342,905	-4	TIÊU CỰC	101,350	11.1	2.4	371
VIX	11.8	29,967,204	-4	TIÊU CỰC	30,359	14.0	0.9	354
SSI	19.15	17,299,480	-4	TIÊU CỰC	57,245	12.7	1.5	331
CTG	30.05	7,253,760	-4	TIÊU CỰC	233,397	5.5	1.1	218
CII	12.95	9,504,035	-4	TIÊU CỰC	8,702	92.0	0.9	123
DXG	9.9	9,265,955	-4	TIÊU CỰC	12,554	109.4	0.9	92
PVS	29.8	2,775,360	-4	TIÊU CỰC	18,288	8.7	1.2	83
FRT	138.3	586,580	-4	TIÊU CỰC	24,730	21.8	5.2	81
CEO	11.1	6,857,390	-4	TIÊU CỰC	6,613	35.7	1.0	76
VRE	23.15	3,258,325	-4	TIÊU CỰC	52,604	7.1	1.0	75
ORS	14	5,061,615	-4	TIÊU CỰC	8,735	14.8	1.1	71
NKG	12.1	5,431,090	-4	TIÊU CỰC	5,957	24.5	0.8	66
DCM	32.65	1,987,400	-4	TIÊU CỰC	17,285	7.5	1.5	65
DGW	38.4	1,606,450	-4	TIÊU CỰC	8,577	9.0	2.6	62
VCG	15.2	2,645,510	-4	TIÊU CỰC	10,612	12.4	0.9	40
HSG	10.7	3,733,425	-4	TIÊU CỰC	8,638	13.9	0.7	40
IDC	33.2	1,167,985	-4	TIÊU CỰC	13,859	7.6	1.9	39
VGC	40	851,100	-4	TIÊU CỰC	17,934	10.0	2.0	34
KBC	26.25	1,167,775	-4	TIÊU CỰC	24,721	14.1	1.0	31
HHV	9.27	3,193,610	-4	TIÊU CỰC	5,072	7.4	0.5	30
ANV	16.9	1,512,690	-4	TIÊU CỰC	4,500	5.2	1.2	26
TNG	18.1	1,324,575	-4	TIÊU CỰC	2,330	4.9	1.1	24
DRI	13.4	1,605,540	-4	TIÊU CỰC	981	6.2	1.4	22
OIL	12.7	1,621,905	-4	TIÊU CỰC	13,135	37.0	1.2	21
CSV	21.95	766,365	-4	TIÊU CỰC	2,425	9.1	1.4	17
HDB	21.8	17,845,124	-5	TIÊU CỰC	141,850	7.2	1.7	389
VPB	21.2	16,307,575	-5	TIÊU CỰC	212,000	6.8	1.1	346
BSR	26.3	8,494,100	-5	TIÊU CỰC	131,692	4.7	1.6	223
VCB	53.5	4,038,380	-5	TIÊU CỰC	447,029	10.7	1.8	216
MWG	72.3	2,753,185	-5	TIÊU CỰC	106,693	10.8	3.0	199
GEX	21.5	7,701,920	-5	TIÊU CỰC	28,132	28.2	1.4	166
VSC	12.9	11,931,080	-5	TIÊU CỰC	4,829	19.0	0.9	154
BID	31.7	3,620,640	-5	TIÊU CỰC	246,571	7.4	1.3	115
GMD	49.7	1,982,905	-5	TIÊU CỰC	32,272	12.6	2.3	99
PVD	17.45	3,878,955	-5	TIÊU CỰC	16,189	21.5	1.0	68
BVH	62.4	950,050	-5	TIÊU CỰC	46,321	14.0	1.8	59
NT2	21.8	1,457,815	-5	TIÊU CỰC	6,276	4.4	1.2	32
HAG	13.75	2,212,530	-5	TIÊU CỰC	17,427	5.3	1.1	30
NLG	20.9	1,289,425	-5	TIÊU CỰC	10,141	16.9	0.8	27
BCM	37.1	586,865	-5	TIÊU CỰC	38,399	18.8	1.7	22

DHC	36.2	525,710	**-5**	**TIÊU CỰC**	3,846	6.6	1.5	19
MBB	18.9	12,251,790	**-6**	**TIÊU CỰC**	190,299	5.7	1.2	232
PLX	33	3,605,130	**-6**	**TIÊU CỰC**	42,698	11.4	1.6	119
VNM	56.3	1,802,900	**-6**	**TIÊU CỰC**	117,664	11.5	3.4	102
VIB	13.9	7,073,150	**-6**	**TIÊU CỰC**	51,811	6.7	1.0	98
EIB	16.05	5,239,955	**-6**	**TIÊU CỰC**	29,897	156.4	1.1	84
DIG	9.5	5,152,480	**-6**	**TIÊU CỰC**	8,020	13.1	0.8	49
CTD	65.5	548,845	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,324	9.3	0.8	36
ACV	39	902,430	**-6**	**TIÊU CỰC**	139,711	12.6	1.9	35
DBC	15.2	1,737,240	**-6**	**TIÊU CỰC**	6,552	6.5	0.8	26
PAN	16.7	1,083,940	**-6**	**TIÊU CỰC**	4,186	3.4	0.8	18
VHC	48.05	322,380	**-6**	**TIÊU CỰC**	10,064	8.5	1.0	15
KDH	13	5,121,115	**-7**	**TIÊU CỰC**	16,048	10.3	0.9	67
PDR	11.05	5,508,180	**-7**	**TIÊU CỰC**	11,026	20.5	0.9	61
POW	12	4,850,635	**-7**	**TIÊU CỰC**	36,814	5.2	0.9	58

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá dầu lao dốc hơn 7% nhờ hy vọng về đàm phán giữa Mỹ và Iran

Giá dầu thô giảm mạnh trong ngày 02/11 khi lãnh đạo Mỹ và Iran phát tín hiệu sẵn sàng tìm kiếm giải pháp ngoại giao cho cuộc xung đột đã làm gián đoạn thị trường năng lượng suốt 8 tháng qua. Kết phiên, hợp đồng dầu thô West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ giảm 7.4%, chốt phiên ở mức 96.46 USD/thùng, đánh dấu mức giảm mạnh nhất trong một ngày kể từ ngày 27/7. Dầu Brent, chuẩn tham chiếu quốc tế, mất 7.6%, xuống còn 104.77 USD/thùng.

Hôm thứ Hai, Tổng thống Donald Trump nói với các phóng viên rằng Iran muốn "đạt được một thỏa thuận và điều đó có thể xảy ra". Trước đó, Ngoại trưởng Mỹ Marco Rubio cho biết vào cuối tuần rằng ông Trump không muốn sử dụng biện pháp quân sự với Iran và muốn giải quyết xung đột thông qua con đường ngoại giao. Ông Trump từng tuyên bố sẽ không tấn công Iran trước cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ.

Theo hãng thông tấn nhà nước Cộng hòa Hồi giáo Iran (IRNA), Tổng thống Iran Masoud Pezeshkian cho biết Tehran đang tìm cách giải quyết các vấn đề thông qua đối thoại. Ông nói thêm rằng Lãnh tụ Tối cao Iran Ayatollah Mojtaba Khamenei đã trao cho Chính phủ một số thẩm quyền nhất định để thực hiện mục tiêu này. Ngoại trưởng Iran Abbas Araghchi nhận định một thỏa thuận với Mỹ là khả thi nếu Washington "thể hiện thiện chí" và "thực sự tìm kiếm một giải pháp hòa bình", theo IRNA.

Nguồn: vietstock.vn

Ngành thép Trung Quốc lao dốc khi nhu cầu giảm và chi phí tăng

Áp lực lên ngành thép Trung Quốc đang ngày càng gia tăng khi các nhà sản xuất phải đối mặt với tình trạng kinh tế trì trệ làm suy giảm nhu cầu cùng với chi phí đầu vào tăng cao. Gansu Jiu Steel Group Hongxing Iron & Steel Co. niêm yết tại Thượng Hải đã ghi nhận khoản lỗ ròng 813 triệu nhân dân tệ (122 triệu USD) trong quý III, tăng mạnh so với mức lỗ 61 triệu nhân dân tệ cùng kỳ năm trước. Công ty này cho biết ngành thép hiện nay đang đối mặt với tình trạng cung mạnh nhưng cầu yếu, đồng thời bày tỏ lo ngại về việc nhu cầu từ lĩnh vực bất động sản và cơ sở hạ tầng liên tục thu hẹp, sự sụt giảm nghiêm trọng trong đầu tư vào tài sản cố định, cùng với chi phí nhiên liệu và nguyên vật liệu vẫn duy trì ở mức cao.

Angang Steel, nhà sản xuất thép lớn thứ ba thế giới xét về sản lượng cũng báo cáo khoản lỗ ròng 1,98 tỷ nhân dân tệ trong quý III, cao hơn gấp đôi so với mức lỗ 876 triệu nhân dân tệ cùng kỳ năm trước. Công ty giải thích rằng ngành thép đang trải qua một chu kỳ suy yếu với tâm lý thị trường ảm đạm, trong đó tình trạng dư thừa nguồn cung đã kéo giá thép xuống thấp.

Trong khi đó, giá than cốc cùng các loại nguyên vật liệu và nhiên liệu khác vẫn tiếp tục tăng. Nhu cầu và giá than đã tăng lên nhờ tình trạng gián đoạn nguồn cung dầu mỏ bắt nguồn từ xung đột Trung Đông, qua đó mang lại lợi thế cho các nhà cung cấp than. Tình trạng dư thừa công suất kéo dài cùng nhu cầu nội địa yếu đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thép của Trung Quốc, trở thành nguyên nhân cốt lõi dẫn đến các tranh chấp thương mại với phần còn lại của thế giới.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

Vốn FDI đăng ký trong mười tháng năm 2026 đạt 54.85 tỷ USD, tăng 74.0% so với cùng kỳ năm trước

Theo Báo cáo của Cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/10/2026 đạt 54.85 tỷ USD, tăng 74.0% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất từ

năm 2009 đến nay. Bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Vốn đăng ký cấp mới có 3,478 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 30.73 tỷ USD, tăng 4.7% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và gấp 2.2 lần về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu về thu hút vốn đăng ký cấp mới với 14.61 tỷ USD, chiếm 47.5% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là ngành vận tải kho bãi đạt 5.15 tỷ USD, chiếm 16.7%; các ngành còn lại đạt 10.98 tỷ USD, chiếm 35.8%.

Vốn đăng ký điều chỉnh có 1,079 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 16.13 tỷ USD, tăng 33.2% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 2,616 lượt với tổng giá trị góp vốn 7,99 tỷ USD, tăng 49.6% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: vietstock.vn

CPI mười tháng đầu năm 2026 tăng 4.57%, lạm phát cơ bản tăng 4.24% so với cùng kỳ năm trước

Theo báo cáo của Cục Thống kê vừa công bố, CPI tháng 10 tăng 0.20% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng chính, 07 nhóm có chỉ số giá tăng và 04 nhóm có chỉ số giá giảm. CPI bình quân mười tháng năm 2026 tăng 4.57% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4.61%, tác động làm CPI chung tăng 1.65 điểm phần trăm; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6.66%, tác động làm CPI chung tăng 1.51 điểm phần trăm; nhóm giao thông tăng 6.98%, tác động làm CPI chung tăng 0.70 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 13.09%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng

Lạm phát cơ bản tháng Mười năm 2026 giảm 0.05% so với tháng trước và tăng 4.04% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân mười tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4.24% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4.57% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá xăng dầu, gas, lương thực, thực phẩm tươi sống, dịch vụ y tế biến động làm CPI chung tăng, trong khi các nhóm này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Nguồn: vietstock.vn

Thương mại Việt Nam với 3 thị trường lớn vượt 500 tỷ USD sau 9 tháng

Thương mại hàng hóa của Việt Nam với 3 thị trường lớn nhất, gồm: Trung Quốc, Mỹ và Hàn Quốc trong 9 tháng năm nay đã vượt 504 tỷ USD, mức thực hiện cao nhất từ trước tới nay. Riêng 3 thị trường này đã chiếm gần 58% trong tổng quy mô thương mại 9 tháng.

Trong đó, trao đổi thương mại lớn nhất là thị trường Trung Quốc, đạt 253,19 tỷ USD, tăng 37,6%, tương ứng tăng 69,18 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc 9 tháng đạt 65,86 tỷ USD, tăng 32,9%, tương ứng tăng 16,31 tỷ USD.

Tiếp đến là thương mại hai chiều với Mỹ, đạt 157,38 tỷ USD, tăng 24,5%, tương ứng tăng 31 tỷ USD so với cùng kỳ. Trị giá xuất khẩu sang thị trường Mỹ trong 9 tháng/2026 đạt 140 tỷ USD, tăng 24,2%, tương ứng tăng 27,28 tỷ USD. Trị giá nhập khẩu của Việt Nam từ Mỹ đạt 17,38 tỷ USD, tăng 27%, tương ứng tăng 3,72 tỷ USD với tất cả các nhóm hàng chính tăng so với cùng kỳ năm trước. 9 tháng năm 2026, thương mại hai chiều Việt Nam - Hàn Quốc đạt 94,80 tỷ USD, tăng 44%, tương ứng tăng 28,87 tỷ USD so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu sang Hàn Quốc 25,5 tỷ USD, tăng 19%, tương ứng tăng 4,02 tỷ USD; nhập khẩu 69,3 tỷ USD, tăng mạnh 56%, tương ứng tăng 24,85 tỷ USD.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

MSB: Được chấp thuận chào bán 936 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên tối đa 46.800 tỷ đồng

Ngày 28/10/2026, MSB đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho tăng vốn điều lệ từ 37.440 tỷ đồng lên tối đa 46.800 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Trước đó, MSB đã hoàn thành việc tăng vốn lần thứ nhất năm 2026 từ 31.200 tỷ đồng lên 37.440 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Với phương án tăng vốn tiếp theo, MSB dự kiến chào bán 936 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:25. Giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu với tổng giá trị phát hành tính theo mệnh giá đạt 9.360 tỷ đồng. Nếu hoàn tất phương án, tổng số cổ phiếu MSB sẽ tăng lên 4,68 tỷ cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ 46.800 tỷ đồng. Thời gian chào bán dự kiến trong quý IV/2026.

Việc tăng vốn điều lệ lần thứ hai nằm trong định hướng chiến lược của MSB hướng tới hoàn thiện hệ sinh thái tài chính, nâng cao năng lực quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế và mở rộng quy mô hoạt động trong nước cũng như quốc tế. Cụ thể, nguồn vốn bổ sung được kỳ vọng góp phần tập trung tăng trưởng nền tảng tài chính, phát triển cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Nguồn: cafef.vn

PVS: Doanh thu quý III tăng gần 10%, lợi nhuận sau thuế chỉ nhích nhẹ

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC, mã PVS) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2026, với doanh thu thuần đạt 10.579,1 tỷ đồng, tăng gần 10% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán tăng 6,1%, lên 9.560,8 tỷ đồng, thấp hơn tốc độ tăng doanh thu. Nhờ đó, lợi nhuận gộp đạt 1.018,3 tỷ đồng, tăng 64,1% so với mức 620,7 tỷ đồng của quý III/2025.

Điểm tích cực trong kỳ là biên lợi nhuận gộp cải thiện lên khoảng 9,6%, so với mức 6,4% cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính giảm 46,5%, còn 125,2 tỷ đồng; trong khi chi phí tài chính tăng từ 29,8 tỷ đồng lên 86,5 tỷ đồng, tương ứng tăng 190,6%. Riêng chi phí lãi vay đạt 25,4 tỷ đồng, tăng 47,8% so với cùng kỳ. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết cũng giảm 54,2%, còn 98 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế quý III/2026 của PVS đạt 340,9 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ. Riêng lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 315,2 tỷ đồng, giảm 2,7%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, PVS ghi nhận doanh thu thuần 27.852,3 tỷ đồng, tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 1.343,6 tỷ đồng, tăng 42%; lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 1.261,9 tỷ đồng, tăng 24,8%.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

FPT: Vận hành thử nhà máy kiểm thử chip công suất 300 triệu sản phẩm mỗi năm

Tập đoàn FPT đưa nhà máy Kiểm thử và Đóng gói chip bán dẫn (FPT Analysis Technologies) vào vận hành thử nghiệm giai đoạn 1 tại Khu công nghiệp Yên Phong II-C, tỉnh Bắc Ninh. Nhà máy có diện tích 1.600 m², được trang bị 6 dây chuyền với công suất thiết kế tối đa 300 triệu chip mỗi năm.

Trong giai đoạn đầu, cơ sở này tập trung kiểm tra chức năng, chất lượng và độ tin cậy của chip bán dẫn, phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế. FPT cho biết đang nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào quá trình phát triển chương trình kiểm thử, từ xử lý dữ liệu, yêu cầu kỹ thuật đến thiết lập cấu hình và đánh giá kết quả. Nhà máy dự kiến triển khai đơn hàng kiểm thử chip đầu tiên cho một đối tác Hàn Quốc. Đây cũng là đơn hàng mở đầu cho hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm thử chip của FPT.

Nguồn: cafef.vn

FOX: FPT Telecom sắp trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 20%

Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (FPT Telecom, MCK: FOX, sàn UPCoM) vừa công bố Nghị quyết của HĐQT về thông qua việc trả cổ tức năm 2025. Theo đó, FPT Telecom sẽ trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.000 đồng. Ngày chốt danh sách cổ đông là 10/12/2026. Với gần 738,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, FPT Telecom sẽ phải chi khoảng hơn 1.477,5 tỷ đồng cho đợt cổ tức lần này. Thời gian thực hiện chi trả vào ngày 29/12/2026.

Tính đến ngày 30/9/2026, Bộ Công an đang nắm giữ gần 370,7 triệu cổ phần tại FPT Telecom (tỷ lệ sở hữu 50,17%), dự kiến sẽ thu về hơn 741,3 tỷ đồng cổ tức. Tiếp đến là Công ty Cổ phần FPT (MCK: FPT, sàn HoSE) sở hữu gần 337,3 triệu cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu 45,66%), cũng sẽ thu về khoảng gần 674,6 tỷ đồng cổ tức.

Nguồn: cafef.vn

HDG: Mảng năng lượng hụt thu khiến lợi nhuận Hà Đô giảm hơn 40% trong quý 3

CTCP Tập đoàn Hà Đô (HOSE: HDG) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 3/2026 với lợi nhuận ròng 163 tỷ đồng, giảm đến 43% so với cùng kỳ năm trước. Theo giải trình từ Doanh nghiệp, sự sụt giảm này là do nguồn thu ở mảng năng lượng đi xuống, trong khi các hoạt động khác của Công ty vẫn duy trì ổn định.

Ghi nhận tại báo cáo hợp nhất quý 3 năm nay, doanh thu từ thủy điện, điện gió và điện mặt trời của Hà Đô chỉ đạt 468 tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ khoảng 18%. Sự suy giảm của lĩnh vực này đã khiến lợi nhuận gộp hợp nhất toàn Công ty giảm 27% về mức 361 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân chính tạo nên mức giảm 43% về lợi nhuận ròng như đã báo cáo.

Lũy kế 9 tháng năm 2026, Hà Đô đạt doanh thu thuần 1.77 ngàn tỷ đồng, giảm 7%, nhưng lãi sau thuế hợp nhất vẫn tăng 10%, lên mức 465 tỷ đồng, nhờ vào thành tích khả quan trong nửa đầu năm. Dù vậy, Công ty cũng chỉ mới thực hiện khoảng 40% kế hoạch lợi nhuận sau thuế mà cổ đông giao phó cho cả năm.

Nguồn: vietstock.vn

BSR: Crack spread nới rộng, BSR lãi gần 9 ngàn tỷ trong quý 3

Giá dầu tăng mạnh và biên crack spread (chênh lệch giá dầu thô và thành phẩm) giãn mạnh trong quý 3 giúp Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam (HOSE: BSR) báo lãi gần 9 ngàn tỷ đồng, gấp gần 10 lần cùng kỳ. Quý 3/2026, BSR ghi nhận doanh thu thuần gần 59.6 ngàn tỷ đồng, tăng 69% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn chỉ tăng 46%, lên gần 50 ngàn tỷ đồng. Nhờ vậy, lợi nhuận gộp đạt gần 9.7 ngàn tỷ đồng, gấp 9.6 lần cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp cũng mở rộng từ mức 3% lên hơn 16%.

BSR cho biết giá dầu Brent trong kỳ tăng mạnh, đạt 97 USD/bbl, tăng 54% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, crack spread cũng tăng mạnh, giúp quý 3 tăng trưởng ấn tượng. Hoạt động tài chính cũng là điểm sáng với hơn 1 ngàn tỷ đồng doanh thu, tăng 85% so với cùng kỳ, trong khi chi phí tài chính đi ngang ở mức 164 tỷ đồng, dù chi phí lãi vay tăng 25%. Chi phí hoạt động cũng tăng, với mức 17% cho chi phí bán hàng (229 tỷ đồng) và 54% cho chi phí quản lý doanh nghiệp (đạt 224 tỷ đồng). Dù vậy, với lãi gộp tăng mạnh, BSR kết thúc quý 3 với gần 9 ngàn tỷ đồng lãi ròng, gấp 9.9 lần cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, BSR mang về hơn 164 ngàn tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 58% so với cùng kỳ. Với mức tăng ấn tượng nửa đầu năm, lãi ròng 9 tháng đạt gần 24.9 ngàn tỷ đồng, gấp 11.6 lần cùng kỳ.

Nguồn: vietstock.vn

VCB: Vietcombank được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm 5.431 tỷ đồng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank, mã: VCB) cho biết đã nhận được Công văn của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2025 và 24/4/2026.

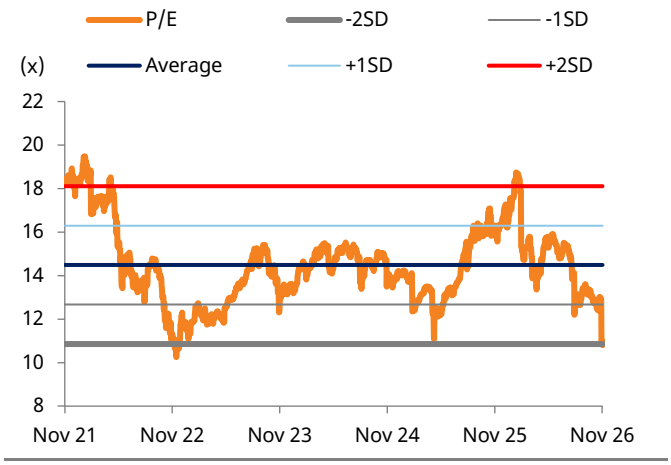
Theo đó, NHNN chấp thuận Vietcombank tăng vốn điều lệ thêm tối đa 5.431 tỷ đồng. Cổ phiếu được phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, phù hợp với Quyết định 2054/QĐ-TTg ngày 27/10/2026 của Thủ tướng phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030, đồng thời tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng. Với vốn điều lệ hiện tại 83.557 tỷ đồng, nếu phát hành hết, vốn điều lệ Vietcombank sẽ tăng lên khoảng 88.988 tỷ đồng. Phương án phát hành riêng lẻ tối đa 6,5% số cổ phiếu đang lưu hành tương đương khoảng 543,1 triệu cổ phiếu.

Ngoài phát hành riêng lẻ, Vietcombank còn kế hoạch phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ thêm khoảng 10.700 tỷ đồng trong năm 2026, phương án đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua. Lãnh đạo ngân hàng cho biết sẽ ưu tiên triển khai phát hành riêng lẻ trước, sau đó mới đến các phương án khác.

Nguồn: cafef.vn

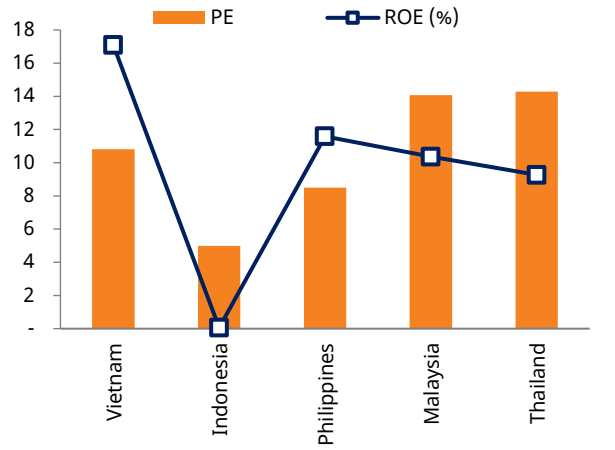
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



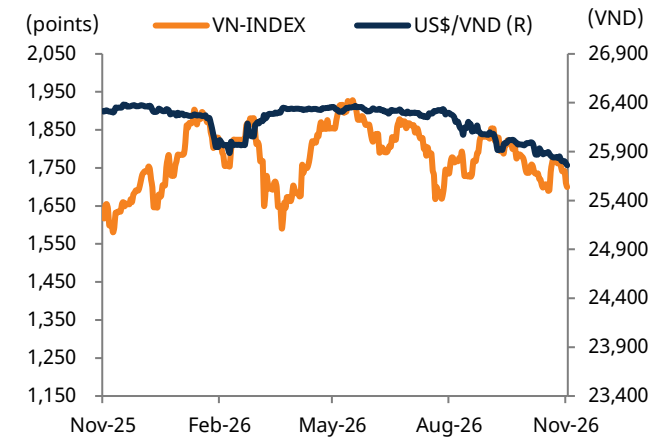
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



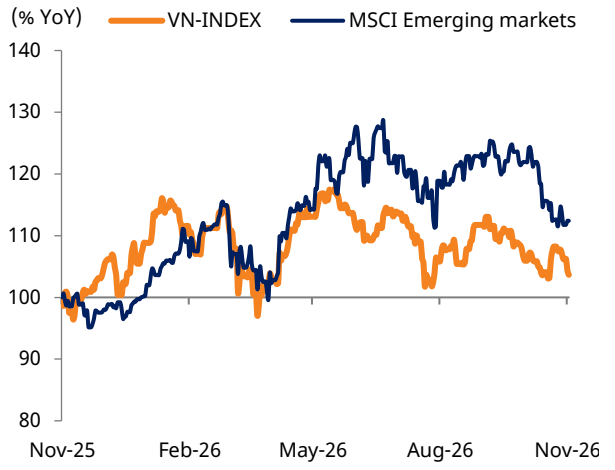
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



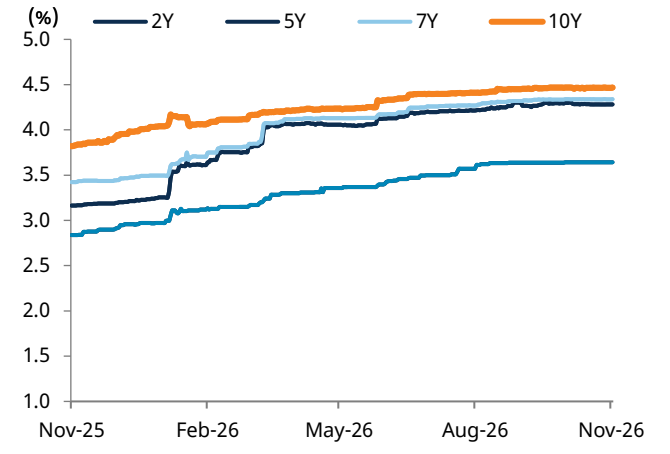
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



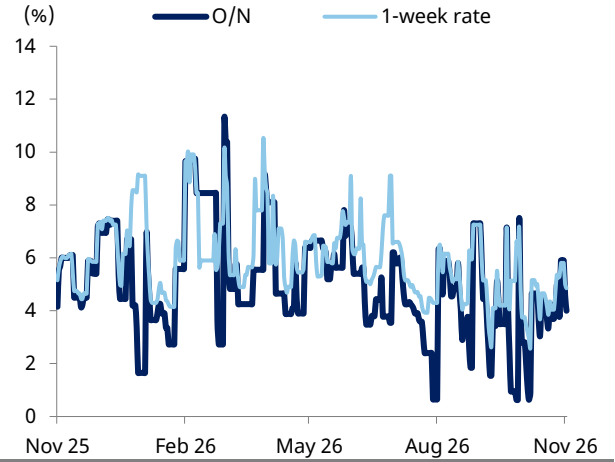
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,253,765**	**1,699.62**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.6**	**-3.5**	**-2.2**	**5.1**	**10.8**	**1.9**	**17.1**					
VN30 Index		**6,308,611**	**1,815.60**	**2,121.13**	**1,737.11**	**0.1**	**-3.9**	**-3.2**	**-2.3**	**9.7**	**1.8**	**19.4**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	117,540	20,250	23,982	19,204	-0.2	-4.9	-4.0	-10.1	7.3	1.2	16.7	22.2	6/15/2026	619	3.1	3.5
Bank for Investment and Development	BID VN	246,571	31,700	52,975	31,600	-0.9	-5.8	-8.9	-8.7	7.4	1.3	16.5	17.4	7/17/2026	0	1.3	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	131,692	26,300	39,600	13,500	-3.0	-9.0	-13.6	64.4	4.7	1.6	39.7	1.5	8/11/2026	300	1.1	1.0
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	233,397	30,050	43,500	28,400	1.0	-1.0	1.0	-10.4	5.5	1.1	22.7	24.5	7/23/2026	0	1.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	95,041	50,400	98,818	49,550	0.4	-9.0	-18.8	-47.2	9.2	2.2	26.2	26.7	11/27/2026	1,818	3.6	4.0
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	181,936	75,400	131,500	60,100	-2.1	-4.4	-4.3	22.6	12.4	2.6	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.3	3.8
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	118,400	29,600	46,500	25,100	1.7	-6.2	-9.6	4.4	13.9	1.9	14.0	N/A	11/10/2026	400	1.4	1.4
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	141,850	21,800	23,450	17,230	-0.5	-0.9	-0.4	20.3	7.2	1.6	24.8	19.3	7/12/2024	0	N/A	N/A
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	179,414	21,250	27,000	19,600	4.2	1.2	6.0	-10.3	6.7	1.2	20.0	21.7	5/11/2026	455	2.1	1.7
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	103,659	34,700	58,500	33,900	0.6	-9.6	-13.7	-31.6	8.6	2.2	26.9	1.4	5/14/2026	3,000	8.6	8.6
Military Commercial JCB	MBB VN	190,299	18,900	24,426	17,678	0.8	-3.8	-1.0	-1.2	5.7	1.2	22.9	22.3	7/9/2026	828	4.4	4.3
Masan Consumer Corp	MCH VN	174,539	133,500	183,343	125,000	0.0	-4.6	-4.1	N/A	23.9	9.6	42.6	11.1	8/10/2026	4,074	3.0	3.7
Masan Group Corp	MSN VN	101,350	69,400	85,500	61,700	0.0	-5.4	-1.8	-9.9	11.1	2.4	24.6	24.8	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	106,693	72,300	94,400	62,500	-0.1	-4.5	-1.2	-10.7	10.8	3.0	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.8	3.2
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	53,803	41,950	57,100	41,700	0.6	-2.0	-1.2	-9.4	12.0	2.6	21.4	58.8	12/28/2026	5,000	11.9	11.5
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	55,842	10,450	17,150	9,550	0.5	-3.2	-6.3	-33.5	3.7	0.6	17.5	4.4	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	51,432	15,000	24,800	13,234	0.0	-5.1	-12.0	1.8	16.3	1.2	7.1	0.8	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	57,245	19,150	29,167	18,083	1.6	-3.3	-2.8	-22.4	12.7	1.5	12.7	N/A	8/17/2026	833	4.4	4.6
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	125,555	66,600	79,000	45,950	2.3	-1.2	-2.6	27.3	27.5	2.0	2.4	10.3	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	227,468	21,400	25,467	18,533	0.0	-4.3	-0.5	-4.5	7.9	1.2	16.3	20.8	5/19/2026	467	2.2	2.6
Techcom Securities JSC	TCX VN	88,228	26,500	45,000	26,100	0.8	-6.9	-5.0	N/A	14.2	1.9	13.8	8.2	4/7/2026	0	1.3	1.6
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	447,029	53,500	78,800	52,600	-0.2	-4.6	-6.3	-9.8	10.7	1.8	17.5	19.9	7/23/2026	450	0.8	0.8
Vinhomes JSC	VHM VN	508,498	61,900	86,650	43,450	-0.2	-2.5	-8.8	25.7	5.3	1.8	38.4	6.3	6/29/2026	3,000	4.8	3.3
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,811	13,900	17,443	12,831	2.2	-1.4	4.1	-17.1	6.7	1.0	16.2	3.9	4/29/2026	822	5.9	5.6
Vingroup JSC	VIC VN	1,816,352	234,000	265,000	93,000	-3.3	-2.6	4.5	139.5	41.8	9.4	25.4	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	101,674	132,200	169,231	111,923	-0.1	-0.5	2.2	-6.3	45.6	3.9	8.7	5.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	117,664	56,300	75,500	54,600	0.5	-2.3	-1.7	-1.7	11.5	3.4	29.9	49.6	11/11/2026	4,350	8.3	8.1
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	212,000	21,200	24,952	18,962	-1.6	-8.6	-7.4	-3.2	6.8	1.1	18.3	22.3	5/15/2026	397	1.9	1.9
Vinpearl JSC	VPL VN	161,576	90,100	111,000	67,000	0.0	3.6	14.2	19.3	46.1	3.6	8.6	6.4	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	52,604	23,150	39,500	20,900	0.9	-5.1	-1.9	-26.2	7.1	1.0	15.3	11.4	6/30/2026	1,000	4.3	2.2

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.